

Số: 192/2019/QĐST-HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 26 tháng 09 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 272/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 08 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lê Tử L - Sinh năm: 1974.

Nơi cư trú: Thôn K, xã D, huyện S, tỉnh H.

Bị đơn: Chị Trịnh Thị H - Sinh năm: 1983

Nơi đăng ký HKTT: Thôn K, xã D, huyện S, tỉnh H.

Nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện S, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 09 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 09 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Lê Tử L và chị Trịnh Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung:** Công nhận cháu Lê Thị N, sinh ngày 16/01/2005 là con chung của anh Lê Tử L và chị Trịnh Thị H. Hai bên đương sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận khi ly hôn giao cháu N cho bố là Lê Tử L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi thành niên. Đây cũng là nguyện vọng của cháu N. Chị Trịnh Thị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* **Về tài sản và công nợ:** Tài sản chung của vợ chồng, tài sản riêng của vợ chồng, tài sản người ngoài nợ vợ chồng, vợ chồng nợ người ngoài hai bên đương sự tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Về án phí:** Anh Lê Tử L và chị Trịnh Thị H tự nguyện thống nhất thỏa thuận anh Lê Tử L tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Lương đã nộp. Trả lại cho anh Lê Tử L 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số: AA/2018/0003666 ngày 13/08/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- UBND xã D;
- Chi cục THADS huyện S;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Đại Long